BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 165 /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về chế độ báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp);

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP);

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chế độ báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa được triển khai thí điểm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Thông tư này không điều chỉnh việc đăng ký, thẩm định người sử dụng tài sản mã hóa và người kiểm soát, thu thập, tổng hợp, lưu giữ, báo cáo và trao đổi thông tin phục vụ quản lý thuế theo Khuôn khổ báo cáo tài sản mã hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này, bao gồm:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

2. Tổ chức phát hành tài sản mã hóa.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích một số thuật ngữ

Tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới (network) là hạ tầng công nghệ tập hợp các thành phần được kết nối và vận hành theo quy tắc của sổ cái phân tán hoặc công nghệ có chức năng tương tự, cho phép tạo lập, xác thực, ghi nhận, lưu giữ và chuyển giao tài sản mã hóa.

2. Địa chỉ (address) là một chuỗi ký tự định danh công khai, duy nhất trên mạng lưới, được sử dụng để xác định địa chỉ ghi nhận và chuyển giao tài sản mã hóa trên mạng lưới đó.

3. Hệ thống khớp lệnh (matching engine) là hệ thống tiếp nhận, xử lý, so khớp lệnh mua, bán tài sản mã hóa theo quy tắc đã được tổ chức cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa xác lập trước.

4. Niêm yết tài sản mã hóa là việc đưa tài sản mã hóa vào giao dịch trên hệ thống khớp lệnh của tổ chức cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

5. Ví tài sản mã hóa (wallet) là thiết bị hoặc hệ thống được sử dụng để tạo lập, lưu trữ và sử dụng khóa mật mã phục vụ việc kiểm soát tài sản mã hóa và thực hiện quyền liên quan đến tài sản mã hóa.

6. Ví nóng (hot wallet) là loại ví tài sản mã hóa trong đó khóa mật mã được tạo lập, lưu trữ và sử dụng trong môi trường có kết nối Internet hoặc mạng khác có thể truy cập từ bên ngoài.

7. Ví lạnh (cold wallet) là loại ví tài sản mã hóa trong đó khóa mật mã được tạo lập, lưu trữ và sử dụng trong môi trường không có kết nối Internet hoặc mạng khác có thể truy cập từ bên ngoài.

8. Bằng chứng dự trữ (proof of reserves) là kết quả đối chiếu giữa số dư tài sản mã hóa trên chuỗi do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa kiểm soát với tổng nghĩa vụ đối với khách hàng tại một thời điểm xác định.

Điều 4. Nguyên tắc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa

1. Việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa phải bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ, không gây hiểu nhầm. Trường hợp có sự thay đổi nội dung đã báo cáo, công bố, đối tượng báo cáo, công bố thông tin phải báo cáo, công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khi công bố thông tin theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về nội dung thông tin công bố.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông

tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã được công bố, báo cáo dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin công bố của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của mình tối thiểu 05 năm.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa khi thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư này phải thực hiện công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do người được ủy quyền công bố.

6. Việc thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo Thông tư này không thay thế nghĩa vụ đăng ký, thẩm định, thu thập, lưu giữ hồ sơ và báo cáo thông tin phục vụ quản lý thuế. Thông tin định danh, nơi cư trú thuế, mã số thuế, thông tin về người kiểm soát và thông tin giao dịch của từng người sử dụng được thu thập, báo cáo phục vụ quản lý thuế theo Khuôn khổ báo cáo tài sản mã hóa không thuộc thông tin phải công bố công khai theo Thông tư này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 5. Phương thức thực hiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm: trang thông tin điện tử của doanh nghiệp; hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là đơn vị thuộc Bộ Tài chính thực hiện tiếp nhận báo cáo, thông tin công bố từ tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện gửi báo cáo bằng văn bản giấy hoặc báo cáo dưới dạng văn bản điện tử được ký số hợp lệ theo quy định của pháp luật thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Báo cáo phục vụ quản lý thuế theo Khuôn khổ báo cáo tài sản mã hóa được gửi trực tiếp cho cơ quan thuế theo phương thức, định dạng dữ liệu và thời hạn quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm

hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II
HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 7. Công bố thông tin về việc cấp, thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, việc lựa chọn tài sản mã hóa đưa vào giao dịch

1. Việc công bố thông tin khi cấp, thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 và khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về việc lựa chọn tài sản mã hóa vào giao dịch tối thiểu 07 ngày trước ngày chính thức đưa tài sản mã hóa vào giao dịch.

3. Trường hợp quyết định hủy bỏ, hạn chế giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về việc hủy bỏ, hạn chế giao dịch tài sản mã hóa tối thiểu 07 ngày trước ngày chính thức hủy bỏ, hạn chế giao dịch tài sản mã hóa.

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Báo cáo tài chính của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được lập theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là công ty mẹ thì tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải là tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu, công bố thông tin về việc sửa đổi, bổ sung các quy trình của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa công bố thông tin theo yêu cầu

theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

3. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các quy trình quy định tại các điểm b, c, d, g, k khoản 6 Điều 8 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình các quy trình sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.

Điều 10. Thông tin về giao dịch tài sản mã hóa tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Trong giờ giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công khai trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin về giao dịch tài sản mã hóa như sau:

a) Tổng số loại tài sản mã hóa được phép giao dịch; tình trạng từng loại tài sản mã hóa;

b) Giá tài sản mã hóa thực hiện và khối lượng thực hiện của giao dịch gần nhất; giá giao dịch cao nhất, giá giao dịch thấp nhất trong ngày giao dịch; mức và ký hiệu biến động giá của từng loại tài sản mã hóa;

c) Tối thiểu ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh kèm theo khối lượng đặt mua, bán dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh tương ứng với các mức giá đó;

d) Giá trị giao dịch mua, bán của nhà đầu tư nước ngoài theo từng loại tài sản mã hóa.

2. Hằng ngày, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin về giao dịch tài sản mã hóa của ngày giao dịch liền trước như sau:

a) Tổng số loại tài sản mã hóa được phép giao dịch trong ngày;

b) Mức độ dao động giá tài sản mã hóa trong ngày giao dịch;

c) Số lượng lệnh, khối lượng đặt mua, bán và giá trị tương ứng với mỗi loại tài sản mã hóa;

d) Khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại tài sản mã hóa, bao gồm giao dịch khớp lệnh và giao dịch theo phương thức khác (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin của tổ chức phát hành tài sản mã hóa

1. Việc công bố thông tin của tổ chức phát hành tài sản mã hóa được thực hiện đồng thời trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành.

2. Trước khi thực hiện chào bán, phát hành, tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin về bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

3. Trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về việc sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sửa đổi, bổ sung bản cáo bạch.

4. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành tài

sản mã hóa, tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin thông báo kết quả chào bán, phát hành tài sản mã hóa theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp quyết định thay đổi các điều kiện, đặc điểm của tài sản mã hóa đã được phát hành, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về quyết định thay đổi.

6. Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa cho đến khi hoàn thành toàn bộ cam kết đối với các nhà đầu tư được nêu tại bản cáo bạch (nếu có), tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin về tình hình thực hiện các cam kết.

7. Việc công bố thông tin khác được thực hiện theo các điều kiện nêu trong bản cáo bạch.

Chương III
HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 12. Báo cáo về việc duy trì điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về danh sách cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức được lập tại ngày 01 của tháng đó theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có thay đổi tổng giám đốc (giám đốc), thay đổi giám đốc công nghệ (hoặc vị trí tương đương), giảm nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ hoặc giảm nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ khác, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi nhân sự, trong đó có đánh giá về việc duy trì điều kiện về cấp Giấy phép quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

3. Định kỳ vào ngày 10 tháng 01 hằng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ và nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại bộ phận nghiệp vụ khác trong năm liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tối thiểu 15 ngày trước ngày thực hiện tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền của công ty, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quyết định thông qua phương án tăng hoặc giảm vốn điều lệ của công ty.

Điều 13. Báo cáo về hoạt động tổ chức giao dịch tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo việc lựa chọn tài

sản mã hóa đưa vào giao dịch theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Chậm nhất vào 15 giờ 00 phút hằng ngày, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động giao dịch tài sản mã hóa trong ngày giao dịch liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời thông tin cho Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

4. Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các giao dịch có dấu hiệu vi phạm về giao dịch tài sản mã hóa theo quy trình giám sát của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được xử lý trong tháng liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Báo cáo về hoạt động lưu ký tài sản mã hóa

1. Định kỳ vào thứ Hai hằng tuần, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước dữ liệu về lưu ký tài sản mã hóa trong tuần liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ngoại trừ trường hợp xử lý sự cố hệ thống theo quy trình đã được công bố, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thay đổi vận hành hệ thống ảnh hưởng đến việc tách biệt tài sản khách hàng, cơ chế phân bổ tài sản giữa ví nóng và ví lạnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác, tối thiểu 07 ngày trước ngày sử dụng dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông tin tổng hợp tài sản của khách hàng của kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 và kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 15. Báo cáo về hoạt động tự doanh tài sản mã hóa

Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động tự doanh trong tháng liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Báo cáo về hoạt động cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa

1. Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thông tin các đợt phát hành tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời thông tin cho Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình lưu ký các tài sản mã hóa đã được phát hành thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được Bộ Tài chính cấp phép theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Các nghĩa vụ báo cáo khác của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch tài sản mã hóa cho khách hàng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về sự cố, trong đó mô tả về sự cố và phương án khắc phục sự cố.

2. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hằng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đánh giá tuân thủ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong năm liền kề trước đó theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này. Việc đánh giá tuân thủ nghĩa vụ báo cáo phục vụ quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 18. Báo cáo của tổ chức, cá nhân khác

1. Tối thiểu 03 ngày trước ngày thực hiện giao dịch loại tài sản mã hóa có trong danh sách tài sản mã hóa đã được đưa vào giao dịch tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc, giám đốc công nghệ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và người có liên quan của họ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp phải báo cáo tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa về việc giao dịch tài sản mã hóa, trong đó nêu rõ số lượng tài sản mã hóa, thời gian và phương thức dự kiến giao dịch.

2. Tối thiểu 07 ngày trước ngày mua lại tài sản mã hóa đã được phát hành, tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải báo cáo tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa nơi tài sản mã hóa được lưu ký về việc mua lại tài sản mã hóa.

3. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng phải báo cáo về tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2026.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban của Quốc hội;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (100b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Kết quả đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa

I. Giới thiệu về tổ chức phát hành

1. Tên tổ chức chào bán *(đầy đủ)*: .....

2. Tên viết tắt: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

4. Số điện thoại: ..... Số fax: .....Website: .....

5. Vốn điều lệ: ..... đồng

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do Sở ... cấp lần đầu ngày..., cấp thay đổi lần thứ... ngày... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*

7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

II. Phương án chào bán, phát hành

1. Mã tài sản mã hóa: .....

2. Phương thức chào bán, phát hành: .....

3. Tổ chức cung cấp nền tảng phát hành: .....

4. Địa chỉ hợp đồng thông minh *(nếu có)*: .....

5. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

6. Khối lượng tài sản mã hóa chào bán, phát hành: .....

III. Thông tin về tài sản cơ sở cho đợt phát hành tài sản mã hóa *(loại tài sản cơ sở, đặc điểm của tài sản cơ sở,...)*

IV. Kết quả chào bán

1. Kết quả huy động vốn

- Ngày kết thúc đợt chào bán: .....
- Tổng khối lượng tài sản mã hóa đã bán: .....
- Giá bán: ..... đồng/01 tài sản mã hóa
- Tổng số tiền huy động được: ..... đồng

- Số lượng nhà đầu tư mua thành công: .....
- Ngày dự kiến chuyển giao tài sản mã hóa: .....

2. Phân bổ tài sản mã hóa

STT	Đối tượng	Số lượng nhà đầu tư	Số lượng tài sản mã hóa	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà đầu tư tổ chức			
2	Nhà đầu tư cá nhân			
	Tổng số			

3. Chi phí chào bán, phát hành:

Tổng chi phí của đợt chào bán, phát hành: … đồng

4. Thông tin lưu hành

- Khối lượng tài sản mã hóa nhà đầu tư sở hữu được tự do chuyển nhượng: …
- Khối lượng tài sản mã hóa nhà đầu tư sở hữu bị hạn chế chuyển nhượng: …
- Khối lượng tài sản mã hóa được phát hành cùng đợt do tổ chức phát hành nắm giữ: .....

5. Thông tin về đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính *(nếu có)*

6. Các quy định pháp luật phải tuân thủ

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Về danh sách cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về danh sách cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức tại thời điểm ngày 01/.../... như sau:

STT	Tên tổ chức	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương			Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (% vốn điều lệ)
		Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
1	...					
2						
3						
	...					

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Tình hình nhân sự năm ....

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo tình hình nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ và nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ khác trong năm .... như sau:

STT	Họ và tên	Bộ phận làm việc	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu đối với cá nhân nước ngoài	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán *(nếu có)*			Ngày chính thức làm việc	Ngày chấm dứt hợp đồng lao động *(nếu có)*
					Loại chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp		
	I. Nhân sự công nghệ								
1	....								
2									
	II. Nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán								
1	.....								
2									

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Về hoạt động giao dịch tài sản mã hóa trong ngày

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về hoạt động giao dịch tài sản mã hóa trong ngày giao dịch .../.../... *(từ 0 giờ 00 phút đến 24 giờ 00 phút)* như sau:

I. Tình hình giao dịch tài sản mã hóa qua hệ thống khớp lệnh

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng số lệnh						Giá tài sản mã hóa *(đồng)*					Tổng khối lượng khớp lệnh	Tổng giá trị khớp lệnh *(đồng)*	Tổng giá trị khớp lệnh có giá trong khoảng từ -2% đến 2%[1] *(đồng)*	
		Đặt mua	Đặt bán	Lệnh giới hạn	Lệnh thị trường	Khớp	Hủy	Bình quân gia quyền khớp lệnh	Đầu ngày	Cuối ngày	Cao nhất	Thấp nhất			Đặt mua	Đặt bán
1	ABC															
2	...															

II. Tình hình giao dịch tài sản mã hóa qua phương thức khác

[1] Tổng giá trị khớp lệnh có mức chênh lệch giá trong khoảng từ -2% đến 2% so với giá đầu ngày

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng giao dịch	Tổng giá trị giao dịch *(đồng)*	Giá bình quân gia quyền tài sản mã hóa *(đồng)*	Giá cao nhất trong ngày *(đồng)*	Giá thấp nhất trong ngày *(đồng)*
1	ABC					
2	...					

III. Tình hình giao dịch theo cơ cấu nhà đầu tư

Nội dung		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tự doanh
Mã tài sản mã hóa	Số liệu	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	
ABC	Tổng khối lượng mua					
	Tổng giá trị mua (đồng)					
	Tổng khối lượng bán					
	Tổng giá trị bán (đồng)					
XYZ	...					

IV. Tình hình giao dịch theo giá trị lệnh khớp

Quy mô lệnh	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ so với tổng giá trị giao dịch (%)
Lệnh dưới 1 triệu đồng		
Lệnh từ 1 – dưới 10 triệu đồng		
Lệnh từ 10 – dưới 100 triệu đồng		
Lệnh từ 100 triệu – dưới 1 tỷ đồng		
Lệnh từ 1 tỷ đồng trở lên		
Tổng		**100%**

Tài liệu gửi kèm: tệp dữ liệu điện tử [2]

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[2] Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn việc chuyển, tiếp nhận, định dạng tệp dữ liệu phù hợp hệ thống điện tử

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa trong tháng

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa qua hệ thống giao dịch của Công ty trong tháng .../... như sau:

I. Báo cáo tổng quan

Bảng 1: Báo cáo tổng quan về tình hình niêm yết tài sản mã hóa trong tháng

Tổng số mã tài sản mã hóa niêm yết mới	Tổng số mã tài sản mã hóa hủy niêm yết	Tổng số lệnh mua	Tổng số lệnh bán	Tổng số lệnh sửa	Tổng số lệnh hủy	Tổng số lệnh khớp	Tổng giá trị khớp lệnh *(đồng)*
...							

Bảng 2: Báo cáo tổng quan về tình hình giao dịch theo phương thức khác trong tháng

Tổng giá trị giao dịch ghi nhận *(đồng)*	Tổng số giao dịch ghi nhận	Tổng số mã tài sản mã hóa đã niêm yết có giao dịch theo phương thức khác	Tổng số mã tài sản mã hóa chưa niêm yết có giao dịch theo phương thức khác
...			

Bảng 3: Báo cáo tổng quan về tình hình nhà đầu tư trong tháng

Nội dung	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài	
	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức
Tổng số tài khoản cuối tháng				
Tổng số tài khoản mở mới				
Tổng số tài khoản đóng				
Tổng giá trị mua *(đồng)*				
Tổng giá trị bán *(đồng)*				
Tổng số tiền nạp *(đồng)*				

Tổng số tiền rút *(đồng)*				

II. Báo cáo chi tiết

Bảng 4: Giao dịch khớp lệnh trong tháng

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng số lệnh đặt mua	Tổng số lệnh đặt bán	Tổng giá trị khớp lệnh *(đồng)*	Tổng khối lượng khớp lệnh	Số tài khoản giao dịch	Giá cao nhất trong tháng *(đồng)*	Giá thấp nhất trong tháng *(đồng)*	Biến động giá (%)	Giá trị giao dịch trung bình 01 ngày *(đồng)*	Số ngày có giao dịch
1	ABC										
2	...										

Bảng 5: Phương thức giao dịch khác

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng giao dịch *(đồng)*	Tổng giá trị giao dịch *(đồng)*	Giá bình quân gia quyền *(đồng)*	Giá cao nhất trong tháng *(đồng)*	Giá thấp nhất trong tháng *(đồng)*
1	...					
2	...					

Bảng 6: Cơ cấu giao dịch theo quy mô giao dịch khớp lệnh trong tháng

Quy mô lệnh	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ so với tổng giá trị giao dịch (%)
Lệnh dưới 1 triệu đồng		
Lệnh từ 1 – dưới 10 triệu đồng		
Lệnh từ 10 – dưới 100 triệu đồng		
Lệnh từ 100 triệu – dưới 1 tỷ đồng		
Từ 1 tỷ đồng trở lên		
Tổng		**100%**

Đầu mối liên hệ trao đổi thông tin của ... *(tên tổ chức cung cấp d ịch vụ tài sản mã hóa)*: họ và tên; chức vụ; số điện thoại; địa chỉ email

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Về giao dịch có dấu hiệu vi phạm trong tháng

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về giao dịch tài sản mã hóa có dấu hiệu vi phạm trong tháng .../... như sau:

I. Các vụ việc phát sinh trong tháng

STT	Mã vụ việc *(do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tự xác định)*	Mô tả dấu hiệu vi phạm	Số lượng tổ chức/cá nhân có liên quan đến giao dịch	Mã tài sản mã hóa	Khoảng thời gian thực hiện giao dịch (từ ngày – ngày)	Tổng khối lượng tài sản mã hóa liên quan	Tổng giá trị giao dịch liên quan *(đồng)*	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	...								
2									

II. Các vụ việc đã hoàn thành xử lý trong tháng

STT	Mã vụ việc	Ngày hoàn thành xử lý	Số lượng tổ chức/cá nhân bị xử lý	Mô tả hình thức xử lý
1	...			

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Dữ liệu tuần về lưu ký tài sản mã hóa

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về dữ liệu lưu ký tài sản mã hóa tại Công ty trong tuần từ thứ Hai, ngày …./…./…. đến Chủ nhật, ngày …./…./…. như sau:

I. Tổng hợp tài sản mã hóa đang lưu ký của khách hàng *(tại thời điểm 17 giờ 00 phút của ngày Chủ nhật)*

STT	Mã tài sản mã hóa	Khối lượng được nhà đầu tư trong nước nắm giữ		Khối lượng được nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ		Khối lượng đang chờ xử lý khác *(nếu có)*	Khối lượng được quản lý thông qua ví nóng	Khối lượng được quản lý thông qua ví lạnh	Khối lượng được quản lý thông qua ví khác *(nếu có)*
		Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức				
1	ABC								
	...								

II. Tổng hợp tài sản mã hóa của tổ chức *(tại thời điểm 17 giờ 00 phút của ngày Chủ nhật)*

STT	Mã tài sản mã hóa	Khối lượng cho hoạt động tự doanh		Khối lượng phục vụ các hoạt động khác	
		Ví nóng	Ví lạnh	Ví nóng	Ví lạnh
1	ABC				
	...				

III. Tình hình quản lý ví lưu ký *(tại thời điểm 17 giờ 00 phút của ngày Chủ nhật)*

STT	Mã tài sản mã hóa	Mạng lưới	Địa chỉ ví	Loại ví *(nóng/lạnh/khác)*	Khối lượng tài sản mã hóa
1	ABC				
	...				

IV. Bằng chứng dự trữ (proof of reserves) tại ngày Chủ nhật *(nếu có)*

STT	Mã tài sản mã hóa	Số khối (block) tại thời điểm ghi nhận	Tỷ lệ dự trữ thực tế (%)	Khối lượng của khách hàng	Khối lượng của tổ chức cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ được bảo hiểm (nếu có) (%)
1	ABC					
	...					

V. Tình hình chuyển tài sản mã hóa với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong nước khác trong tuần

Tên tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng chuyển đi	Tổng khối lượng nhận về
...	ABC		
...	...		

VI. Tình hình nạp/rút tài sản trong tuần

STT	Mã tài sản mã hóa	Nạp tài sản			Rút tài sản		
		Tổng khối lượng nạp thành công	Tổng khối lượng nạp thất bại	Tổng khối lượng chờ xử lý	Tổng khối lượng rút thành công	Tổng khối lượng rút thất bại	Tổng khối lượng chờ xử lý
I	**Tài sản mã hóa đã được niêm yết**						
1	ABC						
2	...						
II	**Tài sản mã hóa chưa được niêm yết**						
1	XYZ						
2	...						
...							
III	**Tiền**						

VII. Tình hình nạp/rút tài sản mã hóa theo cơ cấu nhà đầu tư trong tuần

Nội dung		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài	
Mã tài sản mã hóa	Số liệu	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức
ABC	Tổng khối lượng nạp				
	Tổng khối lượng rút				
...	Tổng khối lượng nạp				
	Tổng khối lượng rút				

VIII. Danh mục tài sản mã hóa niêm yết trên sàn *(tại thời điểm 17 giờ 00 phút của ngày giao dịch cuối cùng trong tuần)*

STT	Tên đầy đủ tài sản mã hóa	Tài sản mã hóa gốc	Mã tài sản mã hóa	Mạng lưới	Địa chỉ tài sản mã hóa
1	...	ABC	wABC	...	...
2	...	ABC	ABC	...	...

IX. Danh mục tài sản mã hóa chưa niêm yết *(tại thời điểm 17 giờ 00 phút của ngày giao dịch cuối cùng trong tuần)*

STT	Tên đầy đủ của tài sản mã hóa	Mạng lưới	Địa chỉ tài sản mã hóa
1			
2			

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Về việc thay đổi vận hành quản lý tài sản

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về việc thay đổi vận hành quản lý tài sản mã hóa của khách hàng tại Công ty như sau:

I. Mô tả tình hình lưu ký, quản lý tài sản của khách hàng trước khi thay đổi: *(Mô tả thông tin tổng số dư tài sản mã hóa của khách hàng, cơ chế vận hành quản lý tách biệt hoàn toàn tài sản của khách hàng, các tiêu chuẩn an ninh bảo mật,...)*

II. Mô tả các nội dung thay đổi: *(mô tả chi tiết từng nội dung thay đổi)*

III. Đánh giá tác động thay đổi

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Về việc sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về việc sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác như sau:

I. Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa *(tên công ty, mã số đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động...)*

II. Mô tả việc sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa của bên thứ ba *(ngày chính thức lưu ký tài sản mã hóa, các loại tài sản được lưu ký kèm theo khối lượng của từng loại, phương án bảo vệ tài sản nếu có,...)*

III. Đánh giá tác động thay đổi phương án lưu ký tài sản *(nếu có)*

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO 06 THÁNG
Về tình hình tài sản khách hàng

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về tình hình lưu ký tài sản khách hàng tại Công ty trong kỳ 06 tháng kể từ ngày …./…./…. đến ngày …./…../…. như sau:

I. Thông tin về tài sản khách hàng

1. Tổng hợp thông tin về tài sản của khách hàng

STT	Loại tài sản	Số lượng đầu kỳ	Số lượng cuối kỳ	Giá trị đầu kỳ *(đồng)*	Giá trị cuối kỳ *(đồng)*	Ghi chú
1	Tiền mặt					
2	Tài sản A					
3	Tài sản B					
	...					
	Tổng					

2. Tổng hợp ví lưu ký tài sản mã hóa vào cuối kỳ

STT	Mã tài sản mã hóa	Mạng lưới	Địa chỉ ví tài sản mã hóa	Số dư khối lượng tài sản mã hóa	Loại ví *(lạnh/nóng/vi khác)*
1	ABC	...			
2					
3					

II. Bằng chứng dự trữ *(nếu có)*

III. Ý kiến kiểm toán *(nếu có)*

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Về hoạt động tự doanh

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về hoạt động tự doanh trong tháng .../.... của Công ty như sau: *(trường hợp không thực hiện hoạt động, Công ty nêu không thực hiện)*

I. Báo cáo tổng quan

STT	Nội dung	Giá trị	Đơn vị	% so với số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ
1	Tổng giá trị ròng giao dịch tự doanh trong kỳ		đồng	
2	Số lệnh tự doanh đã đặt trong kỳ		lệnh	
3	Số lệnh tự doanh khớp trong kỳ		lệnh	
4	Số lệnh tự doanh hủy trong kỳ		lệnh	
5	Số lệnh tự doanh sửa trong kỳ		lệnh	
6	Số ngày có phát sinh tự doanh trong kỳ		ngày	

II. Báo cáo theo mã tài sản mã hóa

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng mua	Tổng giá trị mua *(đồng)*	Tổng khối lượng bán	Tổng giá trị bán *(đồng)*	Khối lượng cuối kỳ
1	ABC					
2						

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Về các đợt phát hành tài sản mã hóa

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về các đợt phát hành tài sản mã hóa thông qua nền tảng phát hành tài sản mã hóa của Công ty trong tháng ...../..... như sau *(trường hợp không thực hiện cung cấp dịch vụ nền tảng phát hành tài sản mã hóa, Công ty nêu không thực hiện)*:

STT	Mã tài sản mã hóa	Tên tổ chức phát hành	Ngày bắt đầu chào bán	Khối lượng dự kiến bán	Ngày kết thúc chào bán	Khối lượng đã bán	Số tiền huy động được *(đồng)*	Tài sản cơ sở	Số nhà đầu tư tham gia mua
1	ABC	...							
2	...								
..									
...									

Đầu mối liên hệ trao đổi thông tin của ... *(tên tổ chức cung cấp dịch vụ)*: (họ và tên người liên hệ; chức vụ; số điện thoại và địa chỉ email)

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm ...*

BÁO CÁO

Về tình hình lưu ký các tài sản mã hóa đã được phát hành

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo về tình hình lưu ký các tài sản mã hóa đã được phát hành thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đã được Bộ Tài chính cấp phép trong tháng …./… như sau:

STT	Mã tài sản mã hóa	Tên tổ chức phát hành	Ngày đầu tiên đăng ký lưu ký	Khối lượng tài sản mã hóa lưu ký đầu kỳ	Khối lượng tài sản mã hóa lưu ký bổ sung trong kỳ	Khối lượng tài sản mã hóa bị hủy lưu ký trong kỳ	Khối lượng tài sản mã hóa lưu ký cuối kỳ	Tên tổ chức cung cấp nền tảng phát hành
1	ABC	...						
2	…							

....., ngày ... tháng ... năm ...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa) báo cáo đánh giá tuân thủ của Công ty trong năm ... như sau:

I. Các nội dung đánh giá

1. Về tình hình duy trì điều kiện cấp phép: đánh giá về việc duy trì điều kiện cấp giấy phép.

2. Về bảo vệ tài sản khách hàng: đánh giá việc tách biệt tài sản khách hàng, việc sử dụng tài sản khách hàng cho mục đích khác, việc tuân thủ đối chiếu tài sản hằng ngày.

3. Về giám sát giao dịch: đánh giá việc tuân thủ quy trình phát hiện các giao dịch nghi vấn, giao dịch bất thường, giao dịch có dấu hiệu vi phạm.

4. Về chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: đánh giá việc tuân thủ các nghĩa vụ, quy định theo yêu cầu của pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Về bảo mật và an ninh hệ thống: đánh giá thực trạng, mức độ thực hiện công tác bảo mật, an ninh hệ thống.

6. Về việc xử lý vi phạm, sai sót và phương án khắc phục: *liệt kê các vi phạm nếu có (theo các quy trình nội bộ và theo quy định pháp luật), đánh giá mức độ nghiêm trọng, nguyên nhân của các sai sót và biện pháp khắc phục.*

II. Ý kiến của bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)